

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/KDTM-PT

Ngày: 22-12 -2020

“V/v tranh chấp Hợp đồng bảo hiểm”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Đào
- *Thẩm phán:* Ông Bùi Đình Thông – Bà Trương Thị Lệ Thu
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Nữ Ngọc Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:* Ông Tổng Khánh Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 06/2020/TB-TLPT ngày 14/10/2020 về việc "*Tranh chấp về hợp đồng bảo hiểm*"; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2020/QĐXX-ST ngày 10 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại vận tải du lịch H**, địa chỉ: Số 49, ấp 5, Lê Văn K, xã Đ, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Quỳnh T, địa chỉ: Thôn Đông Nam Lộ, xã C, **huyện X**, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

2. Bị đơn: **Tổng Công ty Bảo hiểm B**, địa chỉ: Số 72, phố T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội, người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến Dũng – Trưởng Phòng Giám định bồi thường **B** Hà Tĩnh; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn **Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại vận tải du lịch H** (sau đây viết tắt là Công ty **H**) và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Phạm Quỳnh T trình bày:

Công ty CP dịch vụ thương mại vận tải du lịch **H** ký kết hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới với Công ty **B** Hà Tĩnh để mua bảo hiểm cho xe ô tô khách BKS 51B – 135.46, ký kết hợp đồng tại trụ sở Công ty **B** Hà Tĩnh (Số 96, đường Phan Đình P, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh). Loại bảo hiểm: Toàn bộ vật chất xe; Giá trị bảo hiểm: 2.100.000.000 đồng; Điều kiện bảo hiểm bổ sung: Bảo hiểm sửa chữa xe tại garage chính hãng, không khấu hao thay mới, không áp dụng mức khấu trừ 500.000 đồng/vụ bồi thường có tham gia, xe bị ngập nước không tham gia; Thời hạn bảo hiểm từ ngày 22/5/2018 đến ngày 21/5/2019.

Ngày 11/5/2019, chiếc xe ô tô mang biển kiểm soát số 51B-135.46 bị tai nạn tại huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Ngay sau khi bị tai nạn, Công ty **H** đã thông báo kịp thời, phối hợp tích cực, nộp đầy đủ hồ sơ về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định đến Công ty **B** Hà Tĩnh và phối hợp với Công ty **B** mang xe đến xưởng dịch vụ Công ty TNHH MTV sản xuất ô tô chuyên dụng T có quyết toán chi phí sửa chữa với số tiền 401.465.500đ (đã có VAT, giảm 5% phụ tùng).

Ngày 31/7/2019, **Tổng Công ty Bảo hiểm B** (sau đây viết tắt là **B**) duyệt phương án sửa chữa xe 51B-135.46 với tổng số tiền là 209.886.000đ trong đó chi phí sửa xe là 183.800.000đ (đã có VAT, giảm 5% phụ tùng, 10% nhân công sửa chữa và giảm trừ 50% lỗi hỗn hợp). Công ty **H** không chấp nhận mức bồi thường nêu trên vì **B** có lỗi không hướng dẫn thực hiện bảo lưu quyền đối với bên thứ ba cho khách hàng; áp dụng khấu trừ, giảm giá, giảm trừ tùy tiện không đảm bảo quyền lợi bảo hiểm cho **H**. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc **B** chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ chi phí sửa chữa xe với số tiền 401.565.500đ.

Đại diện hợp pháp của bị đơn **Tổng Công ty Bảo hiểm B** là ông Nguyễn Tiến D trình bày:

Về thời gian ký kết hợp đồng bảo hiểm, nội dung bảo hiểm, thời gian tai nạn như nguyên đơn trình bày là đúng. Theo hồ sơ do cảnh sát giao thông tỉnh Bình Thuận lập thì nguyên nhân xảy ra tai nạn do lỗi hỗn hợp của xe ô tô biển kiểm soát 51B-135.46 và xe ô tô biển kiểm soát 85C-01544. Hai chủ xe đã tự thỏa thuận với nhau không báo cho **B**, Công ty **H** không bảo lưu quyền khiếu nại, chuyển quyền đòi người thứ ba cho **B** nên giải quyết bồi thường giảm trừ 50%. **B** có Thông báo số 4370/BHVC-GĐBT XCG ngày 31/7/2019 giải quyết trả cho Công ty **H** số tiền 209.886.000 đồng (bao gồm: Chi phí sửa xe 183.801.000 đồng, chi phí cứu hộ 5.185.000 đồng, trách nhiệm dân sự đối với người thứ 3 về tài sản 20.900.000 đồng). Đây là thông báo nội bộ của Công ty, không phải thông báo gửi cho Công ty **H**. Trong văn bản ghi giảm trừ chi phí sửa chữa do lỗi hỗn hợp là do lỗi trong soạn thảo văn bản. Thực tế, **B** giảm trừ theo mục 13.3 Điều 13 Quy tắc bảo hiểm vật chất xe ban hành kèm theo Quyết định số 6556/QĐ-BHBV ngày 28/12/2016 của **B**. Vì vậy, **B** không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án KDTM số 01/2020/KDTM-ST ngày 07-9-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh căn cứ các Điều 116, 117 Bộ luật Dân sự; Điều 12, Điểm e khoản 1 Điều 17, khoản 1, 2 Điều 49 Luật Kinh doanh bảo hiểm và mục 13.3 Điều 13 của Quy tắc bảo hiểm vật chất xe ô tô ban hành kèm theo Quyết định số 6556/QĐ-BHBV ngày 28/12/2016 của **B**; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.3 khoản 1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại vận tải du lịch H** về việc yêu cầu **Tổng Công ty Bảo hiểm B** bồi thường toàn bộ chi phí sửa chữa

xe ô tô BKS 51B-135.46 với số tiền 401.565.500đ. Ngoài ra, án có tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 17/9/2020, nguyên đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và đương sự đã đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa,

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh đã thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng các đương sự là tuân thủ đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn kháng cáo đối với bản án số 01/2020/KDTM-ST ngày 07-9-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

[1.2] Về thu thập tài liệu, chứng cứ làm căn cứ giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh, làm việc, yêu cầu các đương sự giao nộp tài liệu, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là thực hiện đúng quy định tại Điều 96, 97, 101, 104, 106, 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn không đồng tình với phán quyết của bản án sơ thẩm nên kháng cáo buộc bị đơn phải bồi thường toàn bộ chi phí sửa chữa xe ô tô BKS 51B-135.46 với số tiền 401.565.500đ.

[2.1] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số HTI.D11OT.18.HD và các phụ lục kèm theo thể hiện nội dung **B** nhận bảo hiểm vật chất cho xe ô tô biển kiểm soát 51B-135.46 của Công ty **H**. **B** đã phát hành Giấy chứng nhận bảo hiểm số 004333786 ngày 22/5/2018 cho xe ô tô biển kiểm soát 51B-135.46 với thời hạn bảo hiểm là từ 08 giờ ngày 22/5/2018 đến 24 giờ ngày 21/5/2019. Các bên đều thừa nhận Hợp đồng được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có nội dung phù hợp quy định tại các Điều 116, 117 Bộ luật Dân sự; Điều 12 Luật Kinh doanh bảo hiểm nên là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên, các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

#### **[2.2] Xét nội dung hợp đồng:**

[2.2.1] Các bên thỏa thuận trong hợp đồng: Số tiền tham gia bảo hiểm: 2.100.000.000 đồng; Điều khoản bổ sung: Bảo hiểm xe bị ngập nước: Không tham gia, Bảo hiểm sửa chữa tại Garage chính hãng: Có tham gia, Bảo hiểm

không khấu hao thay mới (không áp dụng cho vỏ, bình ắc quy và các phụ tùng, nhiên liệu thay thế định kỳ): Có tham gia, Không áp dụng mức khấu trừ 500.000 đồng/vụ bồi thường: Có tham gia; Bảo hiểm tự nguyện áp dụng Quy tắc, biểu phí bảo hiểm xe ô tô ban hành kèm theo Quyết định số 6556/QĐ-BHBV ngày 28/12/2016 của **B**.

[2.2.2] Tại Giấy chứng nhận bảo hiểm số 004333786 ngày 22/5/2018 cho xe ô tô biển kiểm soát 51B-135.46 đã ghi rõ: “Bảo hiểm tự nguyện áp dụng Quy tắc, biểu phí bảo hiểm xe ô tô ban hành kèm theo Quyết định số 6556/QĐ-BHBV ngày 28/12/2016 của **B**”.

[2.2.3] Tại mục 13.3 Điều 13 của Quy tắc bảo hiểm vật chất ô tô ban hành kèm theo Quyết định số 6556/QĐ-BHBV ngày 28/12/2016 của **B** quy định: “**B** sẽ giảm 50% đến 100% số tiền bồi thường trong trường hợp chủ xe cơ giới không bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi người thứ ba cho **B** kèm theo toàn bộ hồ sơ, căn cứ tài liệu cần thiết, không hợp tác chặt chẽ với **B** để đòi người thứ 3 hoặc tự động thỏa thuận bồi thường với người thứ ba gây thiệt hại cho **B**”.

[3] Xét sự kiện pháp lý phát sinh tranh chấp: Hồ sơ giải quyết tai nạn giao thông do Công an huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận cung cấp và lời khai của các đương sự thì ngày 11/5/2019, trong quá trình di chuyển từ hướng Phan Rang đi Phan Thiết, khi đi đến Km 1603+100m, Quốc lộ 1A thuộc địa phận xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận xe ô tô BKS 51B-135.46 do anh Phan Ngọc L điều khiển đã xảy ra va chạm với xe ô tô BKS 85C-015.44 do anh Đặng Văn Can điều khiển, hậu quả vụ tai nạn làm hai xe ô tô cùng dải phân cách trên đường Quốc lộ 1A bị hư hỏng. Hồ sơ quyết toán sửa chữa do nguyên đơn cung cấp thể hiện chi phí sửa chữa xe ô tô BKS 51B-135.46 là 401.465.500 đồng, theo hóa đơn sửa chữa thì số tiền sửa xe là 387.986.000 đồng. Như vậy, sự kiện bảo hiểm là có thật, thời gian xảy ra sự kiện bảo hiểm thuộc thời gian có hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm nên làm phát sinh trách nhiệm bồi thường của **B**. Tuy nhiên, quá trình xử lý vụ việc Cơ quan công an huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xác định lỗi của 2 xe ô tô trong vụ tai nạn là lỗi hỗn hợp và chủ xe đã tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu bồi thường, các bên tự sửa chữa phương tiện của mình. Do đó, Công ty **H** đã từ bỏ quyền yêu cầu người thứ 3 bồi thường nên **B** có quyền khấu trừ số tiền bồi thường theo quy định tại khoản 2 Điều 49 Luật Kinh doanh bảo hiểm và mục 13.3 Điều 13 của Quy tắc bảo hiểm vật chất ô tô ban hành kèm theo Quyết định số 6556/QĐ-BHBV ngày 28/12/2016 của **B**. Vì vậy, **B** giảm trừ số tiền bồi thường đối với xe ô tô BKS 51B-134.46 là phù hợp. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường toàn bộ chi phí sửa chữa xe với số tiền 401.565.500đ là không có căn cứ nên không được chấp nhận như nhận định của bản án sơ thẩm là phù hợp, có căn cứ, đúng pháp luật. Nguyên đơn kháng cáo không có cơ sở nên cấp phúc thẩm không chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận nội dung kháng cáo của **Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại vận tải du lịch H**, giữ nguyên bản án KDTM sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 07-9-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Áp dụng các Điều 116, 117 Bộ luật Dân sự; Điều 12, Điểm e khoản 1 Điều 17, khoản 1, 2 Điều 49 Luật Kinh doanh bảo hiểm và mục 13.3 Điều 13 của Quy tắc bảo hiểm vật chất xe ô tô ban hành kèm theo Quyết định số 6556/QĐ-BHBV ngày 28/12/2016 của **B**, tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại vận tải du lịch H** về việc yêu cầu **Tổng Công ty Bảo hiểm B** bồi thường toàn bộ chi phí sửa chữa xe ô tô BKS 51B-135.46 với số tiền 401.565.500đ.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147, 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 3 Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.3 khoản 1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14:

- Án phí sơ thẩm: Buộc **Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại vận tải du lịch H** phải chịu 20.062.000đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 10.000.000đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0001412 ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. **Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại vận tải du lịch H** còn phải nộp số tiền 10.062.000đồng.

- Án phí phúc thẩm: Buộc **Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại vận tải du lịch H** phải chịu 2.000.000đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001516 ngày 30/9/2020 tại Chi cục THADS thành phố Hà Tĩnh, còn phải tiếp tục nộp số tiền 1.700.000 đồng.

Tổng cộng buộc **Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại vận tải du lịch H** phải chịu 11.762.000 đồng (án phí sơ thẩm và phúc thẩm).

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND, VKS, THA sơ thẩm;
- Đường sự;
- Lưu HSVA.

**Nguyễn Thị Bích Đào**